

Số: 66 /2025/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thoát nước đô thị, chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

Căn cứ Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

Căn cứ Thông tư số 19/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành bổ sung Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

Căn cứ Thông tư số 12/2024/TT-BXD ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định và quản lý chi phí dịch vụ sự nghiệp công chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BLĐTBXH ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn phân loại lao động theo điều kiện lao động;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BXD ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về lĩnh vực xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thoát nước đô thị, dịch vụ chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thoát nước đô thị, dịch vụ chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Áp dụng cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xây dựng đơn giá và lập, thẩm định, phê duyệt dự toán kinh phí dịch vụ thoát nước đô thị, dịch vụ chiếu sáng đô thị sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Quy định về sử dụng định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Định mức hao phí vật liệu

a) Định mức hao phí vật liệu là số lượng vật liệu (không kể vật liệu cần dùng cho xe, máy, thiết bị thi công và vật liệu tính trong chi phí chung) cần thiết cho việc thực hiện và hoàn thành một đơn vị công tác dịch vụ.

b) Mức hao phí vật liệu quy định tại các định mức trong Quyết định này đã bao gồm vật liệu hao hụt trong quá trình thực hiện công việc.

2. Định mức hao phí nhân công

a) Định mức hao phí nhân công là số ngày công lao động của công nhân trực tiếp tương ứng với cấp bậc công việc để hoàn thành một đơn vị công tác dịch vụ. Số lượng ngày công đã bao gồm cả lao động chính, lao động phụ để thực hiện và hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác dịch vụ từ khâu chuẩn bị đến khâu kết thúc, thu dọn hiện trường thi công.

b) Cấp bậc công nhân trong định mức là cấp bậc bình quân của các công nhân tham gia thực hiện một đơn vị công tác dịch vụ thoát nước đô thị/chiếu sáng đô thị.

c) Phân loại lao động theo điều kiện lao động

Bảng phân loại nhóm điều kiện lao động các công tác thuộc dịch vụ thoát nước đô thị và dịch vụ chiếu sáng đô thị được quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

3. Định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công là số ca xe, máy, thiết bị thi công trực tiếp thực hiện và hoàn thành một đơn vị công tác dịch vụ.

Điều 4. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thoát nước đô thị, dịch vụ chiếu sáng đô thị tỉnh Cao Bằng

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thoát nước đô thị tỉnh Cao Bằng được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ chiếu sáng đô thị tỉnh Cao Bằng được quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Đối với dự toán chi phí dịch vụ duy trì hệ thống thoát nước đô thị, dịch vụ chiếu sáng đô thị đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày

Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo Quyết định đã được phê duyệt.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh các công tác duy trì hệ thống thoát nước đô thị, chiếu sáng đô thị chưa được quy định tại định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định này, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm kịp thời phản ánh và đề xuất về Sở Xây dựng để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Vụ Pháp chế-Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra VB&QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, CV: KT, NC;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, XD_(pVL).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Hải Hòa

Phụ lục I

PHÂN LOẠI NHÓM ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG CÁC CÔNG TÁC THUỘC DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ VÀ DỊCH VỤ CHIẾU SÁNG ĐÔ THỊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 66 /2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

STT	Tên công việc	Nhóm nhân công		
		Nhóm I ¹	Nhóm II ²	Nhóm III ³
I. DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ				
1	Nạo vét bùn cống ngầm			X
2	Nạo vét bùn cống hộp nổi		X	
3	Nạo vét hố ga	X		
4	Nạo vét bùn mương		X	
5	Kiểm tra lòng cống bằng phương pháp chui lòng cống	X		
6	Nhặt, thu gom phế thải và vớt rau bèo trên mương, sông thoát nước	X		
II. DỊCH VỤ CHIẾU SÁNG ĐÔ THỊ				
1	Thay chóa đèn (lớp đèn) đèn pha, chao đèn cao áp	X		
2	Thay bóng đèn cao áp	X		
3	Thay bộ đèn năng lượng mặt trời	X		
4	Thay chấn lưu, bộ môi	X		
5	Thay chấn lưu, bộ môi và bóng đèn đồng bộ	X		
6	Thay bộ đèn sân vườn	X		
7	Thay cần đèn	X		
8	Thay bộ xà đơn	X		
9	Thay cột đèn sắt	X		
10	Thay dây lên đèn	X		
11	Thay quả cầu nhựa hoặc quả cầu thủy tinh	X		
12	Thay tủ điện	X		
13	Duy trì chóa đèn cao áp, kính đèn cao áp	X		

¹ Nhóm I: Nghề, công việc không nặng nhọc, không độc hại, không nguy hiểm tương ứng điều kiện lao động loại I, II, III - điều kiện lao động bình thường

² Nhóm II: Nghề, công việc nặng nhọc độc hại, nguy hiểm tương ứng điều kiện lao động loại IV

³ Nhóm III: Nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc độc hại, nguy hiểm tương ứng điều kiện lao động loại V, VI

14	Nối cáp ngầm	X		
15	Thay cáp treo	X		
16	Sơn chụp, sơn cần đèn	X		
17	Sơn cột đèn	X		
18	Sơn tủ điện	X		
19	Duy trì trạm đèn 1 chế độ	X		

Phụ lục II

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 66 /2025/QĐ-UBND

ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

TNCB1.11100. Nạo vét bùn cống ngầm bằng thủ công

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc;
- Đặt biển báo hiệu công trường, cảnh giới giao thông và điều tiết đảm bảo an toàn giao thông suốt quá trình thi công;
- Mở nắp hố ga, chờ khí độc bay đi;
- Chui xuống hố ga dùng dụng cụ cào bùn trong lòng cống ra hố ga, xúc bùn từ hố ga vào trong xô, vận chuyển bùn ra, đưa lên và đổ vào phương tiện trung chuyển;
- Trung chuyển bùn tới nơi tập kết tạm cự ly bình quân 1000m;
- Xúc bùn từ phương tiện trung chuyển vào thùng ô tô chuyên dụng chở bùn 4 tấn;
- Vận chuyển bùn bằng ô tô chuyên dụng chở bùn 4 tấn về bãi đổ quy định;
- Vệ sinh, thu dọn mặt bằng và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TNCB1.11100	Nạo vét bùn cống ngầm bằng thủ công	<i>Nhân công:</i> - Bậc thợ bình quân 3,5/7	công	3,077
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i> - Xe ô tô chuyên dụng chở bùn 4 tấn	ca	0,085

Ghi chú:

1) Định mức tại bảng trên áp dụng với cống tròn có đường kính $300\text{mm} < D \leq 600\text{mm}$, cống hộp có chiều rộng đáy $300\text{mm} < B \leq 600\text{mm}$, lượng bùn có trong cống trước khi nạo vét: $\leq 1/3$ tiết diện cống. Trường hợp lượng bùn có trong cống trước khi nạo vét $> 1/3$ tiết diện cống thì định mức hao phí tại bảng trên điều chỉnh với hệ số $K = 0,80$.

2) Trường hợp không phải trung chuyển bùn thì định mức hao phí nhân công điều chỉnh với hệ số $K = 0,87$.

3) Trường hợp cự ly trung chuyển bùn tới nơi tập kết tạm có cự ly bình quân khác với cự ly quy định (1000m) thì định mức hao phí nhân công điều chỉnh với các hệ số sau:

+ Cự ly trung chuyển 1500m : $K = 1,15$;

+ Cự ly trung chuyển 2000m : $K = 1,27$

4) Định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công tại bảng trên tương ứng với cự ly vận chuyển bùn 15km. Trường hợp cự ly vận chuyển bùn thay đổi thì định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	$L \leq 10$	$10 < L < 15$	$L = 15$	$15 < L \leq 25$	$25 < L \leq 35$	$35 < L \leq 45$	$45 < L \leq 55$	$55 < L \leq 65$
Hệ số	0,915	0,955	1,000	1,157	1,322	1,433	1,512	1,573

TNCB1.11200. Nạo vét bùn cống hộp ngầm ngang đường bằng thủ công

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc;
- Đặt biển báo hiệu công trường, cảnh giới giao thông và điều tiết đảm bảo an toàn giao thông suốt quá trình thi công;
- Chui vào cống từ phía cửa xả;
- Nạo vét bùn, xúc bùn vào xô, đưa lên và đổ vào phương tiện trung chuyển;
- Trung chuyển bùn tới nơi tập kết tạm cự ly bình quân 1000m;
- Xúc bùn từ phương tiện trung chuyển vào thùng ô tô chuyên dụng chở bùn 4 tấn;
- Vận chuyển bùn bằng ô tô chuyên dụng chở bùn 4 tấn về bãi đổ quy định;
- Vệ sinh, thu dọn mặt bằng và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TNCB1.11200	Nạo vét bùn cống hộp ngầm ngang đường bằng thủ công	<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ bình quân 3,5/7	công	2,543
		- Xe, máy, thiết bị thi công: - Xe ô tô chuyên dụng chở bùn 4 tấn	ca	0,084

Ghi chú:

1) Định mức tại bảng trên áp dụng cho công tác nạo vét bùn cống hộp ngầm ngang đường, loại có cửa xả, cống có kích thước cho phép người lao động chui vào làm việc bình thường và bảo đảm điều kiện an toàn lao động.

2) Trường hợp không phải trung chuyển bùn thì định mức hao phí nhân công điều chỉnh với hệ số $K = 0,87$. Trường hợp cự ly trung chuyển bùn tới nơi tập kết tạm có cự ly bình quân khác với cự ly quy định (1000m) thì định mức hao phí nhân công điều chỉnh với các hệ số sau: Cự ly trung chuyển 1500m : $K = 1,15$; Cự ly trung chuyển 2000m : $K = 1,27$

3) Định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công tại bảng trên tương ứng với cự ly vận chuyển bùn 15km. Trường hợp cự ly vận chuyển bùn thay đổi thì định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	$L \leq 10$	$10 < L < 15$	$L = 15$	$15 < L \leq 25$	$25 < L \leq 35$	$35 < L \leq 45$	$45 < L \leq 55$	$55 < L \leq 65$
Hệ số	0,915	0,955	1,000	1,157	1,322	1,433	1,512	1,573

TNCB1.11300. Nạo vét bùn cống ngầm bằng xe hút bùn 3 tấn

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị xe (đổ nhiên liệu, kiểm tra xe); Di chuyển, đưa máy, thiết bị vào vị trí thi công;
- Đặt biển báo hiệu công trường, cọc phân cách ranh giới và điều tiết đảm bảo an toàn giao thông suốt quá trình thi công;
- Chuẩn bị dụng cụ, lắp đặt vòi hút, mở nắp ga, chờ khí độc bay đi;
- Hút bùn ở hố ga và chui vào lòng cống để hút; Xả nước; Hút đầy téc;
- Đóng nắp ga, vệ sinh, thu dọn mặt bằng làm việc và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TNCB1.11300	Nạo vét bùn cống ngầm bằng xe hút bùn 3 tấn	<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ bình quân 4/7	công	0,248
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe hút bùn 3 tấn	ca	0,080

Ghi chú:

1) Định mức tại bảng trên áp dụng với cống tròn có đường kính > 600mm, cống hộp có chiều rộng đáy >600mm và các loại cống khác có tiết diện tương đương.

2) Định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công tại bảng trên tương ứng với cự ly vận chuyển bùn 15km. Trường hợp cự ly vận chuyển bùn thay đổi thì định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	L ≤ 10	10 < L < 15	L = 15	15 < L ≤ 25	25 < L ≤ 35	35 < L ≤ 45	45 < L ≤ 55	55 < L ≤ 65
Hệ số	0,915	0,955	1,000	1,157	1,322	1,433	1,512	1,573

TNCB1.11400. Nạo vét bùn hồ ga bằng thủ công*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc;
- Đặt biển báo hiệu công trường, cảnh giới giao thông và điều tiết đảm bảo an toàn giao thông suốt quá trình thi công;
- Mở nắp hố ga, cây tấm đan, chờ khí độc bay đi;
- Nạo vét bùn trong hố ga;
- Xúc bùn vào xô, đưa lên và đổ vào phương tiện trung chuyển;
- Trung chuyển bùn tới nơi tập kết tạm cự ly bình quân 1000m;
- Vận chuyển bùn bằng ô tô chuyên dụng chở bùn 4 tấn về bãi đổ quy định;
- Vệ sinh, thu dọn mặt bằng và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TNCB1.11400	Nạo vét bùn hồ ga bằng thủ công	<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ bình quân 3,5/7	công	2,805
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe ô tô chuyên dụng chở bùn 4 tấn	ca	0,083

Ghi chú:

1) Trường hợp không phải trung chuyển bùn thì định mức hao phí nhân công điều chỉnh với hệ số $K = 0,87$.

2) Trường hợp cự ly trung chuyển bùn tới nơi tập kết tạm có cự ly bình quân khác với cự ly quy định (1000m) thì định mức hao phí nhân công điều chỉnh với các hệ số sau:

+ Cự ly trung chuyển 1500m : $K = 1,15$

+ Cự ly trung chuyển 2000m : $K = 1,27$

3) Định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công tại bảng trên tương ứng với cự ly vận chuyển bùn 15km. Trường hợp cự ly vận chuyển bùn thay đổi thì định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	$L \leq 10$	$10 < L < 15$	$L = 15$	$15 < L \leq 25$	$25 < L \leq 35$	$35 < L \leq 45$	$45 < L \leq 55$	$55 < L \leq 65$
Hệ số	0,915	0,955	1,000	1,157	1,322	1,433	1,512	1,573

TNCB1.11500. Nạo vét bùn cống hộp nổi hoặc mương có nắp đậy

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc;
- Đặt biển báo hiệu công trường, cảnh giới giao thông và điều tiết đảm bảo an toàn giao thông suốt quá trình thi công;
- Mở nắp hố ga chờ khí độc bay đi;
- Nạo vét bùn, xúc bùn vào xô, đưa lên và đổ vào phương tiện trung chuyển;
- Trung chuyển bùn tới nơi tập kết tạm cự ly bình quân 1000m;
- Xúc bùn từ phương tiện trung chuyển vào thùng chứa bùn để ở nơi tập kết tạm;
- Vận chuyển bùn bằng ô tô chuyên dụng chở bùn 4 tấn về bãi đổ quy định;
- Vệ sinh, thu dọn mặt bằng và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TNCB1.11500	Nạo vét bùn cống hộp nổi hoặc mương có nắp đậy	<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ bình quân 3,5/7	công	3,049
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe ô tô chuyên dụng chở bùn 4 tấn	ca	0,084

Ghi chú:

1) Định mức tại bảng trên áp dụng đối với cống hộp nổi hoặc mương có nắp đậy kích thước $B \geq 300\text{mm} \div 1000\text{mm}$; $H \geq 400\text{mm} \div 1000\text{mm}$. Lượng bùn trong cống trước khi nạo vét $\leq 1/3$ tiết diện cống (mương). Trường hợp lượng bùn trong cống trước khi nạo vét $> 1/3$ tiết diện cống thì định mức hao phí tại bảng trên điều chỉnh với hệ số $K = 0,80$.

2) Trường hợp không phải trung chuyển bùn thì định mức hao phí nhân công điều chỉnh với hệ số $K = 0,87$.

3) Trường hợp cự ly trung chuyển bùn tới nơi tập kết tạm có cự ly bình quân khác với cự ly quy định (1000m) thì định mức hao phí nhân công điều chỉnh với các hệ số sau:

+ Cự ly trung chuyển 1500m : $K = 1,15$

+ Cự ly trung chuyển 2000m : $K = 1,27$

4) Định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công tại bảng trên tương ứng với cự ly vận chuyển bùn 15km. Trường hợp cự ly vận chuyển bùn thay đổi thì định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	$L \leq 10$	$10 < L < 15$	$L = 15$	$15 < L \leq 25$	$25 < L \leq 35$	$35 < L \leq 45$	$45 < L \leq 55$	$55 < L \leq 65$
Hệ số	0,915	0,955	1,000	1,157	1,322	1,433	1,512	1,573

TNCB1.11600. Kiểm tra lòng cống bằng phương pháp chui lòng cống*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị dụng cụ làm việc, đặt biển báo hiệu công trường, cảnh giới giao thông tại hai đầu hố ga đoạn cống kiểm tra;
- Mở nắp hố ga hai đầu đoạn cống, chờ khí độc bay đi;
- Chui xuống cống ngằm, soi đèn kiểm tra, tìm điểm hư hỏng;
- Chặt rễ cây hoặc dùng xẻng bới bùn đất để xác định điểm hư hỏng (nếu cần);
- Đo kích thước đoạn hư hỏng, định vị đoạn hư hỏng;
- Chụp ảnh đoạn hư hỏng, rạn nứt;
- Vệ sinh thu dọn hiện trường, đậy nắp hố ga, đem dụng cụ về vị trí quy định;
- Thống kê đánh giá mức độ hư hỏng, đề xuất kế hoạch sửa chữa.

Điều kiện áp dụng:

Cống đã được nạo vét sạch bùn, đảm bảo điều kiện thi công

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TNCB1.11600	Kiểm tra lòng cống bằng phương pháp chui lòng cống	<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ bình quân 4,0/7	công	1,266

TNCB1.11700. Nhặt, thu gom phế thải và vớt rau bèo trên mương, sông thoát nước bằng thủ công

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc;
- Đi tua dọc hai bên bờ mương, sông để phát hiện phế thải;
- Nhặt hết các loại phế thải trên bờ, mái của mương, sông thuộc hành lang quản lý và vun thành đống nhỏ gom vào bao tải tập trung trên bờ;
- Nhặt, gom phế thải và rau bèo trên mặt nước của mương, sông vào bao tải. Dùng thuyền đưa vào bờ;
- Vệ sinh, thu dọn mặt bằng và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

Đơn vị tính: 1km

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều rộng của mương, sông		
				≤6m	≤15m	>15m
TNCB1.11700	Nhặt, thu gom phế thải và vớt rau bèo trên mương, sông thoát nước bằng thủ công	<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ bình quân 3,5/7	công	3,103	3,287	4,298
				10	20	30

Phụ lục III

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ CHIẾU SÁNG ĐÔ THỊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 66 /2025/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

CSCB1.11100. Thay chóa đèn (lớp đèn) đèn pha, chao đèn cao áp

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị mặt bằng, kiểm tra vật tư;
- Sửa chữa chi tiết tháo lớp cũ, lắp lớp mới;
- Giám sát an toàn, hoàn thiện;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

CSCB1.11110. Thay chóa đèn (lớp đèn) đèn pha, chao đèn cao áp bằng máy chiều cao cột H<12m

Đơn vị tính: 01 lớp đèn

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CSCB1.11110	Thay chóa đèn (lớp đèn) đèn pha, chao đèn cao áp bằng máy chiều cao cột H<12m	<i>Vật liệu:</i> - Lớp đèn	cái	1,0
		<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ bình quân 4/7	công	0,955
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i> - Xe nâng 12m	ca	0,177

CSCB1.11120. Thay chóa đèn (lớp đèn) đèn pha, chao đèn cao áp bằng máy chiều cao cột 12m≤H<18m

Đơn vị tính: 01 lớp đèn

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CSCB1.11120	Thay chóa đèn (lớp đèn) đèn pha, chao đèn cao áp bằng máy chiều cao cột 12m≤H<18m	<i>Vật liệu:</i> - Lớp đèn	cái	1,0
		<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ bình quân 4/7	công	1,049
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i> - Xe nâng 18m	ca	0,198

CSCB1.11130. Thay chóa đèn (lớp đèn) đèn pha, chao đèn cao áp bằng thủ công chiều cao cột H<10m

Đơn vị tính: 01 lớp đèn

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CSCB1.11130	Thay chóa đèn (lớp đèn) đèn pha, chao đèn cao áp bằng thủ công	<i>Vật liệu:</i> - Lớp đèn/chao đèn	cái	1,0
		<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ bình quân 4/7	công	0,972

CSCB1.11200. Thay bóng đèn cao áp

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị mặt bằng, vận chuyển dụng cụ, vật liệu, phương tiện đến vị trí thay lắp;
- Cảnh giới đảm bảo giao thông;
- Kiểm tra sửa chữa các chi tiết lưới;
- Tháo và lắp bóng; tháo và lắp kính, lớp đèn;
- Giám sát an toàn, hoàn thiện;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

CSCB1.11210. Thay bóng đèn cao áp bằng máy chiều cao cột H<12m

Đơn vị tính: 01 bóng đèn

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CSCB1.11210	Thay bóng đèn cao áp bằng máy chiều cao cột H<12m	<i>Vật liệu:</i> - Bóng cao áp	cái	1,0
		- Dây điện 1x1	m	0,3
		- Đui đèn	cái	0,1
		<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ bình quân 4/7	công	0,198
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i> - Xe nâng 12m	ca	0,037

CSCB1.11220. Thay bóng đèn cao áp bằng máy chiều cao cột $12m \leq H < 18m$

Đơn vị tính: 01 bóng đèn

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CSCB1.11220	Thay bóng đèn cao áp bằng máy chiều cao cột $12m \leq H < 18m$	<i>Vật liệu:</i> - Bóng cao áp - Dây điện 1x1 - Đui đèn <i>Nhân công:</i> - Bậc thợ bình quân 4/7 <i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i> - Xe nâng 18m	cái m cái công ca	1,0 0,3 0,1 0,278 0,058

CSCB1.11230. Thay bóng đèn cao áp bằng thủ công chiều cao cột $H < 10m$

Đơn vị tính: 01 bóng đèn

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CSCB1.11230	Thay bóng đèn cao áp bằng thủ công	<i>Vật liệu:</i> - Bóng cao áp - Dây điện 1x1 - Đui đèn <i>Nhân công:</i> - Bậc thợ bình quân 4/7	cái m cái công	1,0 0,3 0,1 0,287

CSCB1.11300. Thay bộ đèn năng lượng mặt trời*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, vận chuyển dụng cụ, vật liệu, phương tiện đến vị trí lắp đặt;
- Cảnh giới đảm bảo giao thông;
- Sửa chữa chi tiết tháo bộ đèn cũ, lắp bộ đèn mới;
- Giám sát an toàn, hoàn thiện;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 01 bộ đèn

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CSCB1.11300	Thay bộ đèn năng lượng mặt trời	<i>Vật liệu:</i> - Bộ đèn năng lượng mặt trời	bộ	1,0
		<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ bình quân 4/7	công	0,358
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i> - Xe nâng 12m	ca	0,077

CSCB1.11400. Thay chấn lưu, bộ môi và bóng đèn đồng bộ*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, kiểm tra chi tiết;
- Tháo vỏ lớp, chấn lưu, bộ môi, bóng cũ;
- Thay chấn lưu mới, bộ môi mới, bóng mới;
- Lắp vỏ lớp, đấu điện, kiểm tra;
- Dọn dẹp hiện trường.

CSCB1.11410. Thay chấn lưu, bộ môi và bóng đèn đồng bộ bằng máy chiều cao cột H<12m

Đơn vị tính: 01 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CSCB1.11410	Thay chấn lưu, bộ môi và đèn cao áp bằng máy chiều cao cột H<12m	<i>Vật liệu:</i> - Chấn lưu - Bộ môi - Bóng đèn - Dây điện 1x1 - Đui đèn <i>Nhân công:</i> - Bạc thợ bình quân 4/7 <i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i> - Xe nâng 12m	cái cái cái m cái công ca	1,0 1,0 1,0 0,3 0,1 0,779 0,181

Ghi chú:

1) Trường hợp thay chấn lưu (hoặc bộ môi) và bóng đèn bằng máy thì định mức hao phí nhân công và định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công điều chỉnh với hệ số K=0,8

2) Trường hợp thay chấn lưu (hoặc bộ môi) bằng máy thì định mức hao phí nhân công và định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công điều chỉnh với hệ số K=0,75

CSCB1.11420. Thay chân lưu, bộ môi và bóng đèn đồng bộ bằng máy chiều cao cột $12m \leq H < 18m$

Đơn vị tính: 01 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng	
CSCB1.11420	Thay chân lưu, bộ môi và đèn cao áp bằng máy chiều cao cột $12m \leq H < 18m$	<i>Vật liệu:</i>			
		- Chân lưu	cái	1,0	
		- Bộ môi	cái	1,0	
		- Bóng đèn	cái	1,0	
		- Dây điện 1x1	m	0,3	
		- Đui đèn	cái	0,1	
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bậc thợ bình quân 4/7	công	1,102	
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>			
		- Xe nâng 18m	ca	0,208	

Ghi chú:

1) Trường hợp thay chân lưu (hoặc bộ môi) và bóng đèn bằng máy thì định mức hao phí nhân công và định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công điều chỉnh với hệ số $K=0,8$

2) Trường hợp thay chân lưu (hoặc bộ môi) bằng máy thì định mức hao phí nhân công và định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công điều chỉnh với hệ số $K=0,75$

CSCB1.11430. Thay chân lưu, bộ môi và bóng đèn bằng thủ công chiều cao cột H<10m

Đơn vị tính: 01 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CSCB1.11430	Thay chân lưu, bộ môi và đèn cao áp bằng thủ công	<i>Vật liệu:</i>		
		- Chân lưu	cái	1,0
		- Bộ môi	cái	1,0
		- Bóng đèn	cái	1,0
		- Dây điện 1x1	m	0,3
		- Đui đèn	cái	0,1
	<i>Nhân công:</i>			
	- Bạc thợ bình quân 4/7	công	1,165	

Ghi chú:

1) Trường hợp thay chân lưu (hoặc bộ môi) và bóng đèn bằng thủ công thì định mức hao phí nhân công điều chỉnh với hệ số K=0,8.

2) Trường hợp thay chân lưu (hoặc bộ môi) bằng thủ công thì định mức hao phí nhân công điều chỉnh với hệ số K=0,75.

CSCB1.11500. Thay bộ đèn sân vườn bằng thủ công (chiều cao cột H<10m)

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị mặt bằng, kiểm tra vật tư;
- Sửa chữa chi tiết tháo bộ đèn cũ, lắp bộ đèn mới;
- Giám sát an toàn, hoàn thiện;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 01 bộ đèn

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CSCB1.11500	Thay bộ đèn sân vườn bằng thủ công	<i>Vật liệu:</i>		
		- Bộ đèn sân vườn	cái	1,0
		<i>Nhân công:</i>		
	- Bạc thợ bình quân 4/7	công	0,601	

CSCB1.11600. Thay cần đèn*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, vận chuyển dụng cụ, vật liệu, phương tiện đến vị trí thay lắp;

- Kiểm tra cần, lĩnh vật liệu, xin cắt điện;

- Tháo cần cũ;

- Lắp cần mới, giám sát;

- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

CSCB1.11610. Thay cần đèn chữ L bằng máy

Đơn vị tính: 01 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CSCB1.11610	Thay cần đèn chữ L bằng máy	<i>Vật liệu:</i>		
		- Cần đèn chữ L	cái	1,0
		- Tay bắt cần	cái	1,0
		- Bu lông M18x250	cái	4,0
		<i>Nhân công:</i>		
- Bạc thợ bình quân 4/7	công	0,904		
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe nâng 12m	ca	0,167

CSCB1.11620. Thay cần đèn chữ L bằng thủ công

Đơn vị tính: 01 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CSCB1.11620	Thay cần đèn chữ L bằng thủ công	<i>Vật liệu:</i>		
		- Cần đèn chữ L	cái	1,0
		- Bu lông M18x250	cái	4,0
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ bình quân 4/7	công	2,227

CSCB1.11700. Thay cần đèn chao cao áp bằng máy*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, vận chuyển dụng cụ, vật liệu, phương tiện đến vị trí thay lắp;

- Kiểm tra cần, lĩnh vật liệu, xin cắt điện;

- Tháo cần cũ;

- Lắp cần mới, giám sát;

- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 01 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CSCB1.11700	Thay cần đèn chao cao áp bằng máy	<i>Vật liệu:</i>		
		- Cần đèn chao cao áp	cái	1,0
		- Bu lông M18x250	cái	4,0
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ bình quân 4/7	công	1,19
CSCB1.11700	Thay cần đèn chao cao áp bằng máy	<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe nâng 12m	ca	0,185

CSCB1.11800. Thay xà đơn dài >1m không dây, không sứ bằng máy*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư đến địa điểm thay thế;

- Cảnh giới giao thông;

- Tháo lắp xà đơn;

- Giám sát an toàn.

Đơn vị tính: 01 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CSCB1.11800	Thay xà đơn dài >1m không dây, không sứ bằng máy	<i>Vật liệu:</i>		
		- Xà dài >1m	cái	1,0
		- Bu lông M18x250	cái	2,0
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ bình quân 4/7	công	0,786
CSCB1.11800	Thay xà đơn dài >1m không dây, không sứ bằng máy	<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe nâng 12m	ca	0,117

CSCB1.11900. Thay cột đèn sắt bằng máy*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, tháo hạ dây, hạ cần, hạ lớp;
- Tháo bu lông, nhổ cột, thu hồi cột cũ;
- Nhận vật liệu, trồng cột mới;
- Lắp xà, đèn, chụp, dây;
- Đánh số cột, vệ sinh bàn giao.

Đơn vị tính: 01 cột

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CSCB1.11900	Thay cột đèn sắt bằng máy	<i>Vật liệu:</i>		
		- Cột đèn	cái	1,0
		- Bu lông	cái	4,0
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ bình quân 3,5/7	công	6,784
CSCB1.11900	Thay cột đèn sắt bằng máy	<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe tải gắn cầu 5 tấn	ca	0,834
		- Xe nâng 12m	ca	0,496

CSCB1.12000. Thay dây lên đèn bằng máy*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, vận chuyển dụng cụ, vật liệu, phương tiện đến vị trí thay thế;
- Hạ dây cũ, luồn cửa cột;
- Kéo dây mới, đóng điện, kiểm tra;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 10m

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CSCB1.12000	Thay dây lên đèn bằng máy	<i>Vật liệu:</i>		
		- Dây 2x2,5 mm ²	m	10,15
		- Băng dính	cuộn	0,25
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ bình quân 4/7	công	0,674
CSCB1.12000	Thay dây lên đèn bằng máy	<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe nâng 12m	ca	0,121

CSCB1.12100. Thay quả cầu nhựa hoặc thủy tinh bằng máy*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư đến địa điểm thay thế;
- Sửa chữa chi tiết đầu, tháo lắp quả cầu;
- Giám sát an toàn.

Đơn vị tính: 01 quả

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CSCB1.12100	Thay quả cầu nhựa hoặc thủy tinh bằng máy	<i>Vật liệu:</i> - Quả cầu	quả	1,0
		<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ bình quân 3,5/7	công	0,549
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i> - Xe nâng 12m	ca	0,096

CSCB1.12200. Thay tủ điện điều khiển chiếu sáng bằng thủ công*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, tháo tủ cũ;
- Tháo đầu đầu, đầu kiểm tra;
- Giám sát an toàn, hoàn thiện;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 01 tủ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CSCB1.12200	Thay tủ điện điều khiển chiếu sáng bằng thủ công	<i>Vật liệu:</i> - Tủ điện	cái	1,0
		<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ bình quân 4/7	công	0,610

CSCB1.12300. Duy trì chóa đèn cao áp, kính đèn cao áp bằng máy*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, tháo chóa, kiểm tra tiếp xúc;
- Vệ sinh chóa đèn cao áp, vệ sinh kính đèn cao áp;
- Lắp chóa, giám sát an toàn;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

CSCB1.12310. Duy trì chóa đèn cao áp, kính đèn cao áp bằng máy chiều cao cột H<12m

Đơn vị tính: 01 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CSCB1.12310	Duy trì chóa đèn cao áp, kính đèn cao áp bằng máy chiều cao cột <12m	<i>Vật liệu:</i>		
		- Giẻ lau	cái	1,0
		- Xà phòng	kg	0,01
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ bình quân 3,5/7	công	0,297
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe nâng 12m	ca	0,061

CSCB1.12320. Duy trì chóa đèn cao áp, kính đèn cao áp bằng máy chiều cao cột 12m ≤H<18m

Đơn vị tính: 01 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CSCB1.12320	Duy trì chóa đèn cao áp, kính đèn cao áp bằng máy chiều cao cột 12m ≤H<18m	<i>Vật liệu:</i>		
		- Giẻ lau	cái	1,0
		- Xà phòng	kg	0,01
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ bình quân 3,5/7	công	0,372
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe nâng 12m	ca	0,079

CSCB1.12400. Nối cáp ngầm tại vị trí dải phân cách cố định dạng bó vỉa*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, vận chuyển dụng cụ, vật liệu, phương tiện đến vị trí lắp đặt;

- Đào đất, xử lý đầu cáp, làm hộp nối;

- Kiểm tra, lấp đất;

- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 01 mỗi nối

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CSCB1.12400	Nối cáp ngầm tại vị trí dải phân cách cố định dạng bó vỉa	<i>Vật liệu:</i>	cái	1,0
		- Hộp cáp		
		<i>Nhân công:</i>	công	0,811
		- Bạc thợ bình quân 4/7		

CSCB1.12500. Nối cáp ngầm tại vị trí hè phố*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, vận chuyển dụng cụ, vật liệu, phương tiện đến vị trí lắp đặt;

- Dỡ gạch lát vỉa hè, đào đất, xử lý đầu cáp, làm hộp nối;

- Kiểm tra, lấp đất, hoàn trả mặt bằng;

- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 01 mỗi nối

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CSCB1.12500	Nối cáp ngầm tại vị trí hè phố	<i>Vật liệu:</i>	cái	1,0
		- Hộp cáp		
		<i>Nhân công:</i>	công	1,836
		- Bạc thợ bình quân 4/7		

CSCB1.12600. Thay cáp treo bằng máy*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, vận chuyển dụng cụ, vật liệu, phương tiện đến vị trí thay lắp;

- Hạ cáp cũ;

- Treo lại dây văng, treo cáp, đầu hoàn chỉnh;

- Giám sát an toàn, hoàn thiện;

- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 40m

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CSCB1.12600	Thay cáp treo bằng máy	<i>Vật liệu:</i>		
		- Cáp treo	m	40,6
		- Dây văng ϕ 4	m	40,6
		- Dây ϕ 1,5	kg	0,7
		- Băng dính	cuộn	1,0
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ bình quân 4/7	công	3,598
<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>				
- Xe nâng 12m	ca	0,496		

CSCB1.12700. Sơn chụp, sơn cần đèn*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, sơn 3 nước (1 nước chống gỉ, 2 nước sơn bóng);
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 01 cột

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CSCB1.12700	Sơn chụp, sơn cần đèn	<i>Vật liệu:</i>		
		- Sơn chống gỉ	kg	0,33
		- Sơn bóng	kg	0,7
		- Chổi sơn	cái	0,3
		<i>Nhân công:</i>		
- Bạc thợ bình quân 3,5/7	công	1,194		
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe nâng 12m	ca	0,283

CSCB1.12800. Sơn cột đèn sắt (có chiều cao 8 ÷ 9,5m)*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, cạo gỉ, sơn 3 nước (1 nước chống gỉ, 2 nước sơn bóng);
- Đánh số cột;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 01 cột

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CSCB1.12800	Sơn cột đèn sắt (có chiều cao 8 ÷ 9,5m)	<i>Vật liệu:</i>		
		- Sơn chống gỉ	kg	0,7
		- Sơn bóng	kg	1,5
		- Chổi sơn	cái	1,0
		- Bàn chải sắt (hoặc giấy nhám)	cái (tờ)	1,0
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ bình quân 3,5/7	công	1,978
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe nâng 12m	ca	0,474

CSCB1.12900. Sơn cột đèn chùm (chiều cao cột $H \leq 4m$)*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, cạo gi, sơn 3 nước (1 nước chống gỉ, 2 nước sơn bóng);
- Đánh số cột;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 01 cột

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CSCB1.12900	Sơn cột đèn chùm	<i>Vật liệu:</i>		
		- Sơn chống gỉ	kg	0,5
		- Sơn bóng	kg	1,0
		- Chổi sơn	cái	1,0
		- Bàn chải sắt (hoặc giấy nhám)	cái (tờ)	1,0
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ bình quân 3,5/7	công	1,668
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe nâng 12m	ca	0,397

CSCB1.13000. Sơn tủ điện chiếu sáng (bao gồm cả sơn giá đỡ tủ)*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, cạo gi, sơn 3 nước (1 nước chống gỉ, 2 nước sơn bóng);
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 01 tủ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CSCB1.13000	Sơn tủ điện chiếu sáng	<i>Vật liệu:</i>		
		- Sơn chống gỉ	kg	0,8
		- Sơn bóng	kg	1,6
		- Chổi sơn	cái	1,0
		- Bàn chải sắt (hoặc giấy nhám)	cái (tờ)	1,0
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ bình quân 3,5/7	công	1,951

CSCB1.13100. Duy trì trạm đèn 1 chế độ bằng đồng hồ hẹn giờ*Thành phần công việc:*

- Hàng ngày đóng, ngắt, kiểm tra lưới đèn;
- Vệ sinh bảo dưỡng thiết bị điện;
- Kiểm tra lưới đèn, ghi chép kết quả đèn sáng, đèn tối;
- Xử lý sự cố nhỏ: tra chì, đấu tiếp xúc, báo công tơ điện mất nguồn;
- Đọc chỉ số đồng hồ công tơ điện;
- Kiến nghị sửa chữa thay thế.

Đơn vị tính: 01 trạm/ngày

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CSCB1.13100	Duy trì trạm đèn 1 chế độ bằng đồng hồ hẹn giờ	<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ bình quân 4/7	công	0,219

Ghi chú: Định mức duy trì trạm đèn công cộng quy định tại các bảng trên tương ứng với chiều dài tuyến trạm = 1500m. Khi chiều dài tuyến trạm khác với khoảng cách trên thì định mức điều chỉnh như sau:

Chiều dài tuyến trạm 1500 ÷ 3000m:	K1 = 1,1;
Chiều dài tuyến trạm > 3000m:	K1 = 1,2
Chiều dài tuyến trạm 1000 ÷ 1500m:	K1 = 0,9
Chiều dài tuyến trạm 500 ÷ 1000m:	K1 = 0,8
Chiều dài tuyến trạm < 500m:	K1 = 0,5.